

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: **234/HNGĐ-ST**;

Ngày 13/6/2022;

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

2. Ông Nguyễn Xuân Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh S, sinh năm 1990

Trú tại: thôn L, xã C, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. *Có mặt*

*** Bị đơn:** Chị L, sinh năm 1989

Trú tại: thôn L, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:**

Anh S và chị L đăng ký kết hôn tháng 9 năm 2013 tại UBND xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi

nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu L, sinh ngày 06/02/2014 và cháu L2, sinh ngày 28/6/2016. Khi ly hôn anh S đồng ý giao chị L nuôi 2 con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.500.000 đồng).

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L không chấp hành nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.**

Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hoài Đức cung cấp thông tin:

Anh S và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Anh S và chị L có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xét tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, cho anh S được ly hôn chị L.

- Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 06/02/2014 và cháu L2, sinh ngày 28/6/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.500.000 đồng).

-Về tài sản chung: Ghi nhận anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đó được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị L hiện đang cư trú tại: Xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh S và chị L kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, hai bên bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 6/2021 đến nay, anh S đi thuê chỗ ở khác và vợ chồng sống ly thân; mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng giữa anh S và chị L không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, chị L từ chối đến Tòa án làm việc. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị L tham dự phiên hòa giải nhưng chị L đều cố ý vắng mặt. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy hiện tại anh S và chị L đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Bản thân chị L từ chối làm việc với Tòa án, từ chối tham gia hòa giải, không cung cấp quan điểm về việc giải quyết vụ án, không đưa ra biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh S và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho anh S được ly hôn chị L là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh S và chị L có hai con chung là cháu L, sinh ngày 06/02/2014 và cháu L2, sinh ngày 28/6/2016. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Long và cháu Lâm đang do chị L nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định, bản thân cháu Long cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên để tránh việc xáo trộn

không cần thiết, cần tiếp tục giao cháu Long, cháu Lâm cho chị L trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L hàng tháng là 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, cho anh S được ly hôn chị L.

[2]. Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 06/02/2014 và cháu L2, sinh ngày 28/6/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác về quyền nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi cháu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng kể từ tháng 07/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác về mức cấp dưỡng.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Ghi nhận anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015536 ngày 10/3/2022

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Anh S còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã A, UBND xã C,
huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải